

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ	3
A. PHẦN MỞ ĐẦU	4
1. Lý do chọn đề tài	4
1.1. Lý do về mặt lý luận	4
1.2. Lý do về mặt thực tiễn:	4
2. Mục đích	4
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
4. Ý nghĩa khoa học	4
5. Ý nghĩa thực tiễn	4
B. NỘI DUNG	6
I. NGHIÊN CỨU LÝ THUYẾT LÝ LUẬN	6
1. Cơ sở lý thuyết lý luận	6
<i>1.1. Chính sách tài khóa là gì?</i>	<i>6</i>
<i>1.2. Công cụ của chính sách tài khoá</i>	<i>6</i>
1.2.1. Thuế	6
1.2.2. Chi tiêu của Chính phủ	8
<i>1.3. Phân loại chính sách tài khoá</i>	<i>9</i>
1.3.1. Chính sách tài khoá mở rộng	9
1.3.2. Chính sách tài khoá thắt chặt	9
<i>1.4. Chính sách tài khoá biểu hiện như thế nào?</i>	<i>11</i>
<i>1.5. Mối quan hệ giữa chính sách tài khoá và sự phát triển của nền kinh tế</i>	<i>12</i>
2. Giả thuyết khoa học	12
3. Phương pháp nghiên cứu	12
<i>3.1. Phân tích, tổng hợp lý thuyết</i>	<i>12</i>
<i>3.2. Quan sát khoa học</i>	<i>12</i>
<i>3.3. Điều tra</i>	<i>13</i>
<i>3.4. Thực nghiệm, thực tế</i>	<i>13</i>

II. NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN	14
1. Những kết quả đạt được năm 2016	14
<i>1.1. Hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước vượt dự toán</i>	14
<i>1.2. Rà soát hoàn thiện các chính sách thu và tăng thu NSNN ở một số sắc thuế, nội dung thu nhằm bù đắp sự sụt giảm thu NSNN.</i>	14
<i>1.3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế, hải quan giảm số giờ thu nộp ngân sách của người nộp thuế.</i>	14
<i>1.4. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu NSNN; chú trọng công tác quản lý nợ thuế.</i>	15
2. Chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, kỷ cương tài chính được nâng cao	16
3. Công tác huy động vốn cho ngân sách nhà nước và cho đầu tư phát triển đạt kết quả cao	17
4. Cân đối ngân sách tích cực, bội chi ngân sách nhà nước được đảm bảo trong giới hạn cho phép	17
5. Nợ công được cơ cấu lại theo hướng tích cực	19
6. Những vấn đề cần quan tâm	19
7. Nhiệm vụ của chính sách tài khóa năm 2017	20
C. KẾT LUẬN	24
TÀI LIỆU THAM KHẢO	25

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT, KÝ HIỆU

STT	Ký hiệu	Giải thích
1	AD	Tổng cầu của nền kinh tế
2	AE	Tổng chi tiêu quốc dân.
3	AS	Tổng cung nền kinh tế.
4	G	Tổng chi tiêu quốc dân.
5	GDP	Tổng thu nhập quốc nội.
6	GNP	Tổng thu nhập quốc dân
7	E	Điểm cân bằng
8	Y	Sản lượng tại thời điểm bất kỳ.
9	Y*	Sản lượng tiềm năng.
10	T	Thuế

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Hình 1.3.1. Tác động của chính sách tài khoá mở rộng.

Hình 1.3.2. Tác động của chính sách tài khoá thắt chặt.

Hình 1.3.3. Ảnh hưởng của tăng chi tiêu và tăng thuế cùng một lượng như nhau.

A. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Lý do về mặt lý luận

Chính sách tài khoá là một trong hai công cụ quan trọng của chính phủ nhằm điều tiết nền kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, nó lại chưa được nghiên cứu đầy đủ và hệ thống. Những cuộc khảo sát và nghiên cứu còn mang tính hình thức, chưa có kết quả cao. Dẫn tới tình trạng thiếu cơ sở về mặt lý luận để sử dụng chính sách tài khoá trong thực tiễn nền kinh tế.

1.2. Lý do về mặt thực tiễn:

Hiện nay chính sách tài khoá chưa chặt chẽ còn có nhiều lỗ hổng. Khi thực hiện chức năng điều tiết nền kinh tế thì thiếu quyết liệt dẫn tới hiệu quả không cao, chưa phát huy toàn diện trong nền kinh tế, phản ánh chưa đúng khả năng và sự đầu tư của chính phủ vào chính sách này.

2. Mục đích

Nhằm điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống chính sách tài khoá ở Việt Nam

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Các chính sách tài khoá mà Việt Nam đang áp dụng trong giai đoạn hội nhập.

4. Ý nghĩa khoa học

- Bổ sung những chỗ còn trống trong lý thuyết của vấn đề về chính sách tài khoá ở Việt Nam.
- Xây dựng cơ sở lý thuyết phù hợp với tình hình thực trạng của chính sách tài khoá ở Việt Nam.
- Xây dựng các giải pháp khác nhau trong quản lý, tổ chức hệ thống chính sách tài khoá ở Việt Nam.

5. Ý nghĩa thực tiễn

- Xây dựng luận cứ cho các chương trình phát triển, hoàn thiện cũng như nâng cao tác dụng của chính sách tài khoá ở Việt Nam.
- Giải đáp những đòi hỏi trong thực hiện về tổ chức, quản lý điều hành chính sách tài khoá.

- Giải đáp nhu cầu phát triển nội tại của chính sách tài khoá ở Việt Nam.

Từ những lý do trên em đã chọn tiểu luận: “Chính sách tài khóa và tình hình thực hiện chính sách tài khóa ở Việt Nam hiện nay” để làm tiểu luận hết môn, trong quá trình làm tuy đã cố gắng hết sức nhưng không tránh khỏi những sai sót. Rất mong nhận được sự góp ý quý báu của Thầy cô giáo để bài Tiểu luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin trân trọng cảm ơn!

B. NỘI DUNG

I. NGHIÊN CỨU LÝ THUYẾT LÝ LUẬN

Để xây dựng cơ sở lý thuyết lý luận của đề tài bắt đầu tìm hiểu thư mục khoa học tại Thư viện, qua mạng Internet, chọn lọc các tài liệu có liên quan đến đề tài và nghiên cứu chúng.

Nghiên cứu lý luận lý thuyết được dựa vào nguồn tài liệu khác nhau, các quan điểm xu hướng khoa học khác nhau....

Sau khi thu thập được các tài liệu thì phân tích xử lý một cách khoa học theo trình tự: Phân loại, sắp xếp thông tin thành hệ thống theo yêu cầu của đề tài, theo các chương mục, vấn đề...

1. Cơ sở lý thuyết lý luận

1.1. Chính sách tài khoá là gì?

Như chúng ta đã biết các nền kinh tế thị trường thường xuyên biến động. Bất kỳ nỗ lực nào của chính phủ được sử dụng để bình ổn kinh tế đều được gọi là chính sách ổn định. Hai chính sách ổn định quan trọng nhất trong nền kinh tế thị trường hiện nay là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ.

Hai chính sách trên có 3 mục tiêu cơ bản: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm đầy đủ và ổn định lạm phát ở mức hợp lý. “Chính sách tài khoá là những nỗ lực của chính phủ nhằm cải thiện thành tựu kinh tế vĩ mô thông qua việc thay đổi chi tiêu của Chính phủ và Thuế”.

Mặc dù chính sách tài khoá có thể ảnh hưởng tới tiết kiệm, đầu tư, tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Tuy nhiên trong ngắn hạn chính sách tài khoá chủ yếu ảnh hưởng tới tổng cầu về hàng hoá và dịch vụ.

1.2. Công cụ của chính sách tài khoá

1.2.1. Thuế

Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc cho nhà nước do luật định đối với các pháp nhân và thể nhân nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu của nhà nước. Thuế là một hình thức phân phối lại bộ phận nguồn tài chính của xã hội, không mang tính hoàn trả trực tiếp cho người nộp. Nộp thuế cho nhà nước được coi là nghĩa vụ, trách nhiệm của các pháp nhân và thể nhân trong xã hội đối với nhà nước nhằm tạo ra nguồn thu lớn, ổn định cho ngân sách nhà nước để nhà nước thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Tại thời điểm nộp thuế người nộp thuế không được hưởng bất kỳ lợi ích nào hoặc không được quyền đòi hỏi hoàn trả số thuế đã nộp đối với nhà nước. Thuế mang tính chất cưỡng chế và được thiết lập

theo nguyên tắc luật định. Bằng quyền lực chính trị của mình, nhà nước là chủ thể duy nhất ban hành và sửa đổi các luật thuế, đặt ra các loại thuế để tạo lập nguồn thu cho ngân sách Nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu chi tiêu của nhà nước. Các pháp nhân và thể nhân, khi nộp thuế cho nhà nước khoản thu này vĩnh viễn thuộc về nhà nước và được bố trí sử dụng theo dự toán ngân sách Nhà nước đã được phê duyệt cho tiêu dùng công cộng và đầu tư phát triển. Như vậy thuế phản ánh các quá trình phân phối lại trong xã hội, thể hiện các mối quan hệ giữa nhà nước và pháp nhân, thể nhân trong phân phối các nguồn tài chính và là công cụ cơ bản thực hiện phân phối tài chính.

Thuế ra đời và phát triển gắn liền với sự tồn tại và phát triển của nhà nước. Những loại thuế đầu tiên trong lịch sử xã hội loài người xuất hiện cùng với nhà nước chiếm hữu nô lệ. Ban đầu thuế được thu bằng hiện vật, dần dần với sự phát triển của quan hệ hàng hoá tiền tệ, thuế thu bằng tiền thay thế bằng thuế bằng hiện vật như trước đây. Ngày nay, các quan hệ hàng hoá tiền tệ phát triển cao độ, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường thuế hoàn toàn được thu dưới hình thức giá trị. Nhà nước sử dụng thuế thông qua hệ thống thuế một mặt để huy động nguồn thu không hoàn lại cho ngân sách Nhà nước, mặt khác coi thuế là công cụ phân phối quan trọng tác động vào quá trình quản lý điều tiết sử hoạt động của nền kinh tế quốc dân.

Nếu phân loại thuế theo tính chất kinh tế thì thuế được chia làm hai loại: thuế trực thu và thuế gián thu. Còn nếu phân loại theo đối tượng đánh thuế thì thuế được chia thành: thuế đánh vào hoạt động kinh doanh và dịch vụ, thuế đánh vào hàng hoá, thuế đánh vào thu nhập và thuế đánh vào tài sản.

Hệ thống thuế hiện hành ở Việt Nam: Từ năm 1990 cho đến nay, phù hợp với chính sách đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Chính phủ đã không ngừng đổi mới chính sách thuế với các yêu cầu được đặt ra: thuế phải là nguồn thu cơ bản của ngân sách nhà nước; góp phần thực hiện công bằng xã hội và kích thích các thành phần kinh tế tăng cường cạnh tranh và đầu tư phát triển phù hợp với bối cảnh hội nhập của nền kinh tế; có tính pháp luật cao và trở thành công cụ cơ bản trong quản lý kinh tế của Nhà nước.

Qua các lần cải cách, Việt Nam đã hình thành một hệ thống thuế tương đối hoàn chỉnh về chức năng, đáp ứng được các yêu cầu đặt ra của quá trình đổi mới, như:

- Thuế giá trị gia tăng;
- Thuế tiêu thụ đặc biệt;

- Thuế xuất nhập khẩu;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Thuế thu nhập cá nhân;
- Thuế nhà đất;
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- Thuế tài nguyên;
- Thuế chuyển quyền sử dụng đất.

1.2.2. Chi tiêu của Chính phủ

Chi tiêu của chính phủ là khoản tài sản được chính phủ đưa ra dùng vào mục đích chi mua hàng hoá và dịch vụ nhằm sử dụng cho lợi ích công cộng và điều tiết nền kinh tế vĩ mô.

Cũng giống như thuế chi tiêu của chính phủ khi là công cụ của chính sách tài khoá thì nó có chức năng điều tiết nền kinh tế. Tuy nhiên với chức năng và nhiệm vụ hết sức quan trọng này Nhà nước cần phải tính toán thiệt hơn trong quá trình sử dụng ngân sách, cho dù với mục đích gì? Nó phải nhằm bảo đảm lợi ích tuyệt đối cho xã hội.

Chi tiêu chính phủ bao gồm: chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ gốc tiền do chính phủ vay. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu kinh tế xã hội; chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp nhà nước; chi góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh vào các doanh nghiệp; chi cho quỹ hỗ trợ phát triển; chi dự trữ nhà nước.

- Chi thường xuyên: chi sự nghiệp; chi quản lý nhà nước; chi quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội.

- Chi trả nợ gốc tiền do chính phủ vay: trả nợ trong nước và chi trả nợ nước ngoài.

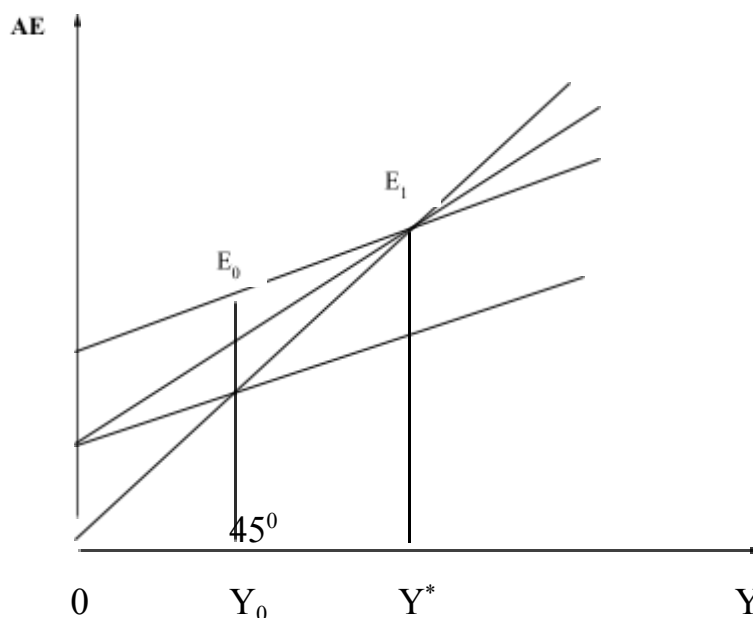
1.3. Phân loại chính sách tài khoá

Chính phủ có thể lựa chọn thay đổi chi tiêu hoặc thuế, hoặc cả hai để mở rộng hay cắt giảm tổng cầu nhằm bình ổn nền kinh tế.

1.3.1. Chính sách tài khoá mở rộng

Đôi mặt với một sản lượng thấp hơn mức sản lượng tự nhiên các nhà hoạch định chính sách có thể giúp nền kinh tế phục hồi trạng thái toàn dụng nguồn nhân lực thông qua việc tăng chi tiêu và/hoặc giảm thuế.

Hình (1.3.1) biểu diễn nền kinh tế trong đó ban đầu chi tiêu không đủ để mua toàn bộ mức sản lượng tiềm năng (Y^*). Thu nhập thực tế Y_0 có thể được tạo ra bởi số người ít hơn so với số người sẵn sàng làm việc. Nếu kinh tế có thất nghiệp chu kỳ do tổng cầu thấp. Giả sử chính phủ quyết định kích cầu thông qua chi tiêu chính phủ. Vì chi tiêu chính phủ là một thành tố của tổng chi tiêu, nên tổng chi tiêu sẽ tăng một lượng tương ứng tại mỗi mức thu nhập cho trước. Điều này được biểu thị bằng sự dịch chuyển lên trên của đường tổng chi tiêu, từ AE_0 lên AE_1 . Tại trạng thái cân bằng mới mức thu nhập quốc dân đạt được là Y^* . Như chúng ta đã biết tăng chi tiêu chính phủ được khuếch đại theo số nhân đến tổng chi tiêu và mức thu nhập cân bằng ($Y^* - Y_0 = m \cdot \Delta G$). Điều này có nghĩa sự thay đổi của thu nhập lớn hơn sự thay đổi chi tiêu của chính phủ.



Hình 1.3.1. Tác động của chính sách tài khoá mở rộng

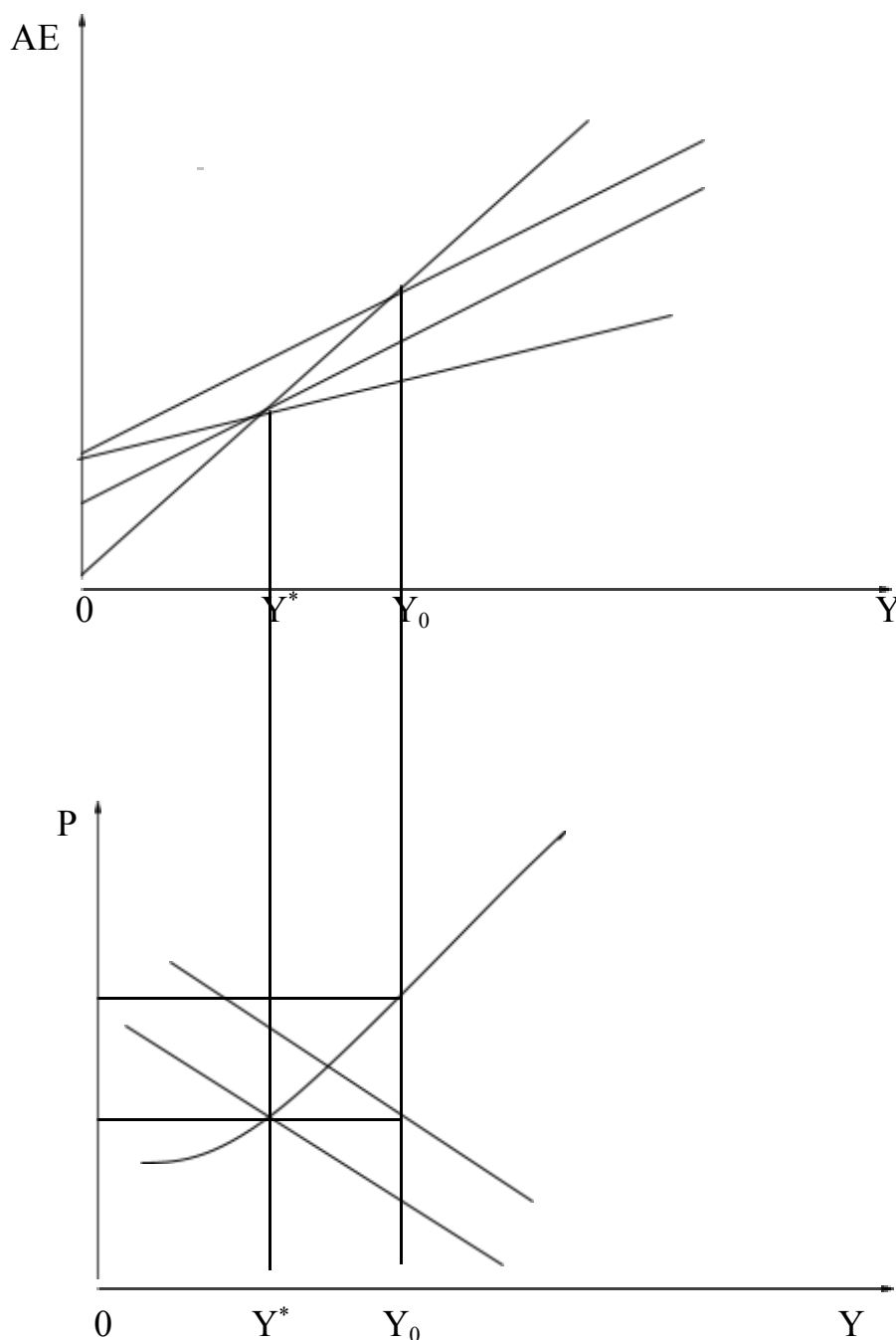
Một phương án khác mà chính phủ có thể sử dụng để kích cầu là giảm thuế suất. Điều này sẽ làm tăng thu nhập khả dụng và do đó làm tăng tiêu dùng. Trên đồ thị đường tổng chi tiêu xoay lên phía trên tới AE_2 và sản lượng cân bằng mới đạt mức là Y^* .

1.3.2. Chính sách tài khoá thắt chặt

Giả sử ban đầu nền kinh tế có tổng chi tiêu vượt quá mức năng lực sản xuất hiện có như được minh họa ở hình (1.3.2). Sự hạn chế về phía cung ngăn cản nền kinh tế mở rộng và giá cả sẽ tăng tốc. Nền kinh tế đang nằm ở phần đường tổng cung rất dốc. Mà các nhà kinh tế gọi là phát triển quá nóng. Phản ứng của chính sách cần thiết là chính phủ nên cắt giảm tổng cầu để kiềm chế lạm phát.

Hình (1.3.2) biểu diễn của việc tăng thuế hoặc giảm chi tiêu chính phủ đến tổng chi tiêu của nền kinh tế. Giảm chi tiêu của chính phủ sẽ trực tiếp làm

giảm tổng chi tiêu của nền kinh tế và làm dịch chuyển đường tổng chi tiêu xuống phía dưới từ AE_0 đến AE_2 . Cả giảm chi tiêu và tăng thuế đều làm đường cầu đi chuyển sang trái và cho phép chuyển nền kinh tế đến gần mức sản lượng tự nhiên hơn và kết quả là lạm phát sẽ được kiềm chế.

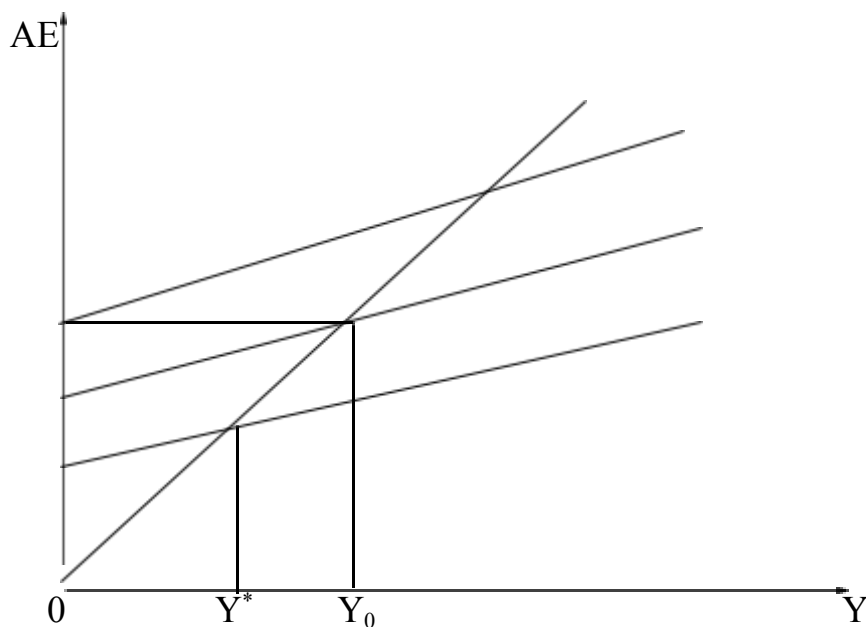


Hình 1.3.2. Tác động của chính sách tài khoá thắt chặt

1.3.3. Chính sách tài khoá trong điều kiện có sự ràng buộc về ngân sách

Trong những thập kỷ gần đây, khi chính phủ ở nhiều nước có các khoản thâm hụt ngân sách nhà nước không lồ thì việc tăng chi tiêu chính phủ hoặc giảm thuế để kích thích nền kinh tế trong bối cảnh suy thoái được xem là ít có tính khả thi về mặt chính trị. Theo hiệp định Maastricht các nước thuộc liên minh

Châu Âu muốn sử dụng đồng tiền chung thì phải thâm hụt ngân sách của họ xuống 3% so với GDP. Đặc mục tiêu này đòi hỏi chính phủ các nước phải cắt giảm chi tiêu hoặc tăng thuế và do đó ít phạm vi hơn cho tăng chi tiêu và giảm thuế để kích thích nền kinh tế. Vậy nhận thấy nếu chính phủ tăng chi tiêu và tăng thuế một lượng là ΔG . Kết quả là sản lượng tăng lên một lượng tương ứng (ΔG).



Hình 1.3.3: Ảnh hưởng của tăng chi tiêu và tăng thuế cùng một lượng như nhau.

1.4. Chính sách tài khoá biểu hiện như thế nào?

Chính sách tài khoá bao gồm hai công cụ là thuế và chi tiêu chính phủ giữa hai công cụ này có một mối liên hệ là chung đó là tiết kiệm chính phủ hay ngân sách chính phủ ($S_g = T - G$) vì vậy quá trình sử dụng chính sách chính là quá trình biến động thay đổi của ngân sách Nhà nước. Khi một nền kinh tế bị rơi vào tình trạng xấu bất ổn định ảnh hưởng tới lợi ích công cộng.

Thì chính phủ sử dụng hai công cụ này để điều tiết. Vì vậy chính sách tài khoá càng được biểu hiện rõ thông qua ngân sách khi nền kinh tế biến động.

1.5. Mối quan hệ giữa chính sách tài khoá và sự phát triển của nền kinh tế

Như ta đã biết chính sách tài khoá có khả năng là điều tiết nền kinh tế. Vì vậy nếu một nền kinh tế muốn vượt qua những biến động và phát triển thì phải nhờ tới hai gọng kìm của chính sách tài khoá và ngược lại khi nền kinh tế phát

triển đúng quỹ đạo ít có biến động thì chính phủ sẽ sử dụng ít chính sách tài khoá và ngược lại thì nền kinh tế phát triển ít biến động thì chính phủ sẽ ít sử dụng chính sách tài khoá.

2. Giả thuyết khoa học

Giữa chính sách tài khoá và nền kinh tế có một mối quan hệ khăng khít. Chính sách tài khoá là công cụ hữu hiệu để điều tiết nền kinh tế. Ngược lại nền kinh tế lại là môi trường chứa đựng các yếu tố cấu thành nên chính sách tài khoá cũng là nơi chính sách tài khoá phát huy tác dụng. Nếu chúng ta đưa ra được các chính tài khoá khác nhau ở Việt Nam trong giai đoạn hội nhập thì có thể nâng cao hoàn thiện tác dụng từ đó phát triển kinh tế xã hội một cách tốt hơn.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phân tích, tổng hợp lý thuyết

Phân tích lý thuyết là thao tác chia tài liệu lý thuyết thành các đơn vị kiến thức để tìm hiểu những dấu hiệu đặc thù, cấu trúc bên trong của lý thuyết. Từ đó mà nắm vững bản chất của từng đơn vị kiến thức và toàn bộ vấn đề nghiên cứu.

Trên cơ sở phân tích, cần phải tổng hợp kiến thức để tạo ra hệ thống, để thấy được mối quan hệ giữa chúng, từ đó mà hiểu đầy đủ, toàn diện, sâu sắc lý thuyết.

3.2. Quan sát khoa học

Quan sát khoa học là phương pháp thu thập thông tin về đối tượng nghiên cứu, trên cơ sở tri giác trực tiếp chúng. Quan sát là một trong những hình thức chủ yếu của nhận thức kinh nghiệm, để tạo ra những thông tin ban đầu. Phương pháp quan sát được sử dụng trong 2 trường hợp:

- Phát hiện ra bản chất của sự vật, sự việc, hiện tượng để xây dựng giả thuyết nghiên cứu.

- Kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu.

Mục đích của quan sát là nhằm ghi nhận một cách đầy đủ và chuẩn xác sự vật, hiện tượng như nó vốn có.

3.3. Điều tra

Điều tra là phương pháp sử dụng một hệ thống câu hỏi để thu thập các số liệu từ đối tượng nghiên cứu.

Có 3 loại điều tra khoa học khác nhau:

- Điều tra bằng trao đổi: đây là phương pháp điều tra bằng cách nghiên cứu trực tiếp đối tượng hoặc thẩm vấn chuyên gia.

- Điều tra viết: Đây là phương pháp thu thập các thông tin, sự kiện dựa trên câu trả lời bằng văn bản của người được nghiên cứu theo một chương trình đã được thiết lập đặc biệt.

- Điều tra bằng trắc nghiệm: là phương pháp được tiêu chuẩn hoá dùng để đo lường khách quan một hay nhiều khía cạnh của đối tượng nghiên cứu qua những mẫu trả lời bằng ngôn ngữ hoặc phi ngôn ngữ hoặc bằng những hành vi khác.

3.4. Thực nghiệm, thực tế

Thực nghiệm thực tế là phương pháp nghiên cứu có hệ thống và logic một hiện tượng nhằm trả lời cho câu hỏi: “Nếu hiện tượng hay quá trình đó được thực hiện trong những điều kiện đã được khống chế, kiểm soát cẩn thận và chủ động thì nó sẽ biểu diễn như thế nào về chiều hướng phát triển, về tính liên hệ giữa nguyên nhân và kết quả?”.

Như vậy, thực nghiệm là phương pháp đặc biệt cho phép tác động lên đối tượng nghiên cứu một cách chủ động, can thiệp có ý thức vào quá trình diễn biến tự nhiên, để hướng quá trình ấy diễn ra theo mục đích mong muốn.

II. NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN

Sau khi nghiên cứu cơ sở lý thuyết, lý luận của đề tài thì thu thập các tài liệu thực tiễn thông qua việc sử dụng phương pháp nghiên cứu và áp dụng vào thực tiễn.

Năm 2016, kinh tế trong và ngoài nước vẫn còn nhiều khó khăn nhưng công tác quản lý, điều hành tài chính - ngân sách nhà nước vẫn đạt được những kết quả tích cực. Sang năm 2017, chính sách tài khóa sẽ tiếp tục tập trung vào các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy phục hồi tăng trưởng, tạo nguồn thu vững chắc cho ngân sách nhà nước; triệt để tiết kiệm chi; tăng cường kỷ luật tài khóa...

1. Những kết quả đạt được năm 2016

1.1. Hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước vượt dự toán

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2016 đạt 1.101,38 nghìn tỷ đồng, vượt 8,6% so với dự toán. Hầu hết các địa phương đều thu đạt và vượt dự toán được giao (58/63 địa phương).

- Thu nội địa đạt 879,36 nghìn tỷ đồng, vượt 12,0% so dự toán. Trong đó: Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vượt 2,8%; khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh vượt 9,4%; thu từ nhà, đất vượt 97,5%; lệ phí trước bạ vượt 19,8% so dự toán.
- Thu từ dầu thô đạt 40,18 nghìn tỷ đồng, giảm 26,3% so dự toán; trên cơ sở tính giá dầu thanh toán bình quân đạt 43,6 USD/thùng, giảm 16,4 USD/thùng so giá xây dựng dự toán; sản lượng dầu thanh toán đạt 15,4 triệu tấn, tăng 1,38 triệu tấn so với kế hoạch.
- Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 173,3 nghìn tỷ đồng, tăng 0,8% so dự toán; trên cơ sở: tổng số thu từ hoạt động XNK đạt 271,3 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so dự toán; hoàn thuế GTGT 98 nghìn tỷ đồng, bằng 100% dự toán.

1.2. Rà soát hoàn thiện các chính sách thu và tăng thu NSNN ở một số sắc thuế, nội dung thu nhằm bù đắp sự sụt giảm thu NSNN.

Bên cạnh việc tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các luật thuế và nhiệm vụ thu NSNN năm 2016, trong năm 2016 đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện phát triển sản xuất - kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng. Chính phủ đã tiếp tục rà soát để ban hành và trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách về tài chính, thuế phù hợp với tình hình thực tế và thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế, như: trình Quốc hội thông qua Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sửa đổi và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế...;

1.3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế, hải quan giảm số giờ thu nộp ngân sách của người nộp thuế.

Chính phủ đã chỉ đạo triển khai quyết liệt cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, nâng cao chất lượng công tác quản lý thu. Cụ thể:

- Triển khai Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ, và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016, trong

đó tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút vốn đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp phát triển sản xuất - kinh doanh, góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách.

- Thực hiện tốt công tác quản lý thu thuế, trong đó tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn pháp luật và hỗ trợ người nộp thuế; đẩy mạnh chống buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế, thu đầy đủ, kịp thời các khoản thu theo kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước;...

1.4. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu NSNN; chú trọng công tác quản lý nợ thuế.

Để phân đầu giảm tối đa số hụt thu ngân sách Trung ương (NSTW), Bộ Tài chính đã chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu; triển khai các biện pháp chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế; đôn đốc thu các khoản theo kết quả kiểm toán, thanh tra; xử lý thu nợ đọng thuế; tập trung vào những địa bàn, lĩnh vực có đóng góp số thu NSTW.

Cơ quan Thuế đã thanh tra, kiểm tra gần 82 nghìn doanh nghiệp, qua đó xử lý tăng thu ngân sách 14,5 nghìn tỷ đồng; đã thu được 42 nghìn tỷ đồng nợ thuế (số dư nợ thuế đến cuối năm 2016 khoảng 72,4 nghìn tỷ đồng, giảm 2% so cuối năm 2015); đã chuyển cơ quan công an 2.776 hồ sơ vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế.

Cơ quan Hải quan đã thực hiện gần 9,3 nghìn cuộc kiểm tra sau thông quan, qua đó xử lý tăng thu ngân sách 3,3 nghìn tỷ đồng; đã bắt giữ, xử lý gần 15,4 nghìn vụ buôn lậu, tăng thu cho ngân sách 166 tỷ đồng; đã thu hồi và xử lý được 499 tỷ đồng nợ thuế; đã khởi tố 48 vụ và chuyển các cơ quan khác khởi tố 95 vụ; ban hành 25 quyết định tịch thu hàng hóa vô chủ do không xác định được chủ sở hữu, xử lý 192 container hàng hóa vi phạm.

Các biện pháp nêu trên đã mang lại kết quả thu NSNN tích cực, đồng thời tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DN phát triển trong bối cảnh tình hình kinh tế trong và ngoài nước còn gặp nhiều khó khăn.

2. Chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, kỷ cương tài chính được nâng cao

Chi NSNN cho đầu tư phát triển cả năm 2016 đạt 1.360 nghìn tỷ đồng, bằng 106,8% so dự toán.

- Chi NSNN cho đầu tư phát triển đã được tập trung cho các công trình, dự án quan trọng, đồng thời được bổ sung từ nguồn dự phòng NSNN để thực hiện các dự án cấp bách về quốc phòng, an ninh, khắc phục sự cố đê, kè xung yếu để chủ động phòng tránh và giảm nhẹ thảm họa thiên tai, bổ sung tăng dự trữ quốc gia để bù lượng hàng dự trữ đã xuất cấp... Kết quả thực hiện ước đạt 268,18 nghìn tỷ đồng, tăng 5,2% so dự toán.

- Chi thường xuyên đạt 836,76 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so dự toán. Đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán đã được Quốc hội quyết định và xử lý kịp thời các nhiệm vụ cấp thiết phát sinh. Bên cạnh đó, đã thực hiện xuất cấp trên 155 nghìn tấn gạo để cứu trợ, cứu đói cho nhân dân và hỗ trợ học sinh vùng khó khăn. Đã đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển sự nghiệp y tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, an sinh xã hội...

- Chi trả nợ, viện trợ dự toán chi 155,1 nghìn tỷ đồng. Kết quả thực hiện 155,1 nghìn tỷ đồng, bằng dự toán; đảm bảo thanh toán đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ nợ đến hạn theo cam kết.

Công tác điều hành chi NSNN năm 2016 chặt chẽ, theo đúng dự toán được duyệt, bảo đảm sử dụng ngân sách triệt để tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ quy định, lồng ghép các chính sách; không ban hành các chính sách, chế độ mới làm tăng chi NSNN khi chưa có nguồn đảm bảo. Các bộ, ngành, địa phương đã chủ động thực hiện rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi, cắt giảm tối đa các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và trong phạm vi dự toán được duyệt. Tập trung triển khai những nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chi NSNN, đảm bảo chặt chẽ, đúng chế độ. Nhờ đó, kỷ luật tài chính được tăng cường, hiệu quả sử dụng NSNN có tiến bộ.

3. Công tác huy động vốn cho ngân sách nhà nước và cho đầu tư phát triển đạt kết quả cao

Năm 2016, khối lượng huy động vốn thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (TPCP) tăng 32% so với năm 2015, đạt kết quả cao nhất từ trước đến nay, với kỳ hạn phát hành bình quân tăng 1,7 năm so với năm 2015. Hoạt động của thị trường trái phiếu đạt được kết quả rất tốt, có sự tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ so với các năm trước, đáp ứng được yêu cầu huy động vốn của Chính phủ, các ngân hàng chính sách của Nhà nước, chính quyền địa phương và các doanh nghiệp. Theo đó, cả năm 2016 đã huy động thành công gần 281.750 tỷ đồng trái phiếu chính phủ, vượt kế hoạch đã điều chỉnh của cả năm (281 nghìn tỷ đồng). Trong đó, 90% khối lượng phát hành có kỳ hạn từ 5 năm trở lên (vượt mục tiêu do Quốc hội đề ra là 70% khối lượng phát hành TPCP có kỳ hạn từ 5 năm trở lên).

Kỳ hạn phát hành bình quân TPCP năm 2016 có sự cải thiện rõ rệt đạt 8,68 năm (tăng 1,70 năm so với mức 6,98 năm của năm 2015, tăng 3,84 năm so với mức 4,84 của năm 2014), qua đó kéo dài kỳ hạn của danh mục nợ TPCP lên mức 5,63 năm vào thời điểm cuối năm 2016, cao hơn 1,19 năm so với thời điểm cuối năm 2015.

Lãi suất phát hành TPCP có xu hướng giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn, (giảm từ 0,02%-1,3%) qua đó tiết kiệm chi phí huy động vốn cho NSNN.

Cơ cấu nhà đầu tư cũng có sự thay đổi tích cực theo hướng tăng tỷ lệ nắm giữ TPCP của các công ty bảo hiểm, BHXH, các quỹ đầu tư và giảm tỷ lệ nắm giữ của các ngân hàng thương mại. Theo đó, tỷ lệ nắm giữ trái phiếu của các ngân hàng thương mại chỉ còn 56%, tỷ lệ nắm giữ trái phiếu của công ty bảo hiểm, BHXH, các quỹ đầu tư là 34%.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) cũng phát triển mạnh so với năm 2015 cả về số doanh nghiệp huy động vốn và khối lượng huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu. Năm 2016, tổng khối lượng phát hành TPDN là 78.000 tỷ đồng, tăng khoảng 80% so với năm 2015. Dư nợ TPDN ước đến hết năm 2016 đạt khoảng 4,27% GDP, tăng 0,97% so với năm 2015.

4. Cân đối ngân sách tích cực, bội chi ngân sách nhà nước được đảm bảo trong giới hạn cho phép

Về nguyên tắc, khi thu NSNN tăng so với dự toán sẽ được sử dụng để giảm bội chi NSNN. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình kinh tế trong và ngoài

nước có nhiều biến động không thuận làm phát sinh nhu cầu chi, hơn thế nhu cầu tăng tổng cầu của nền kinh tế lớn nên dự toán bội chi NSNN năm 2016 Quốc hội quyết định là 254 nghìn tỷ đồng, bằng 4,95% GDP. Với kết quả thu, chi NSNN năm 2016, bội chi NSNN năm 2016 giữ ở mức dự toán là 254 nghìn tỷ đồng, bằng 4,95% GDP kế hoạch. Nguồn vượt thu ngân sách trung ương so với dự toán được tập trung thanh toán nợ ngân sách trung ương, hỗ trợ bù giảm thu cho ngân sách địa phương do nguyên nhân khách quan và bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết phát sinh (sau khi thường vượt dự toán thu phân chia và đầu tư trở lại cho ngân sách địa phương theo quy định). Đối với nguồn vượt thu ngân sách địa phương được sử dụng để bổ sung đầu tư phát triển hạ tầng, tạo nguồn cải cách tiền lương và thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, phát sinh.

5. Nợ công được cơ cấu lại theo hướng tích cực

Năm 2016, nợ công được quản lý, kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo trong giới hạn cho phép. Có kết quả này là nhờ trong công tác quản lý nợ công và nợ quốc gia, Bộ Tài chính đã trình và được Quốc hội thông qua về định hướng huy động và sử dụng nợ công giai đoạn 2016-2020. Đảm bảo chi trả nợ đầy đủ, đúng hạn, trong phạm vi dự toán. Thường xuyên theo dõi đánh giá mức an toàn nợ công, nợ Chính phủ. Tăng cường quản lý, giám sát nợ Chính phủ bảo lãnh cũng như nợ của chính quyền địa phương.

Tiếp tục cơ cấu lại nợ trong nước, tập trung phát hành trái phiếu Chính phủ kỳ hạn từ 5 năm trở lên (chiếm 91,1% tổng khối lượng phát hành năm 2016, vượt yêu cầu theo Nghị quyết Quốc hội là tối thiểu 70%); kỳ hạn bình quân trái phiếu là 8,77 năm (cao hơn 1,82 năm so năm 2015), nâng kỳ hạn bình quân của danh mục trái phiếu Chính phủ cuối năm 2016 lên 5,71 năm, dài gấp 3 lần so với năm 2011 và 2 lần so với năm 2013; Lãi suất trái phiếu bình quân năm 2016 là 6,49%/năm, giảm 54,5% so với năm 2011 và giảm 17% so với năm 2013.

Đồng thời, thực hiện thành công việc hoán đổi trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn còn lại dưới 5 năm để tái cơ cấu danh mục nợ. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án chuyển đổi 364 nghìn tỷ đồng các khoản vay của NSNN từ Bảo hiểm Xã hội Việt Nam dưới hình thức hợp đồng vay sang hình thức trái phiếu Chính phủ.

Đến cuối năm 2016, cơ cấu các khoản nợ vay trong nước/vay ngoài nước trong danh mục nợ của Chính phủ khoảng 59%/41%, tăng so với các năm trước (thời điểm cuối năm 2011 là 38,9%/61,1%; năm 2012 là 43,1%/56,9%; năm 2013 là 50%/50%, năm 2014 là 55,6%/44,4% và năm 2015 khoảng 57%/43%), phù hợp với mục tiêu đã đề ra, giảm sự phụ thuộc vào các nguồn vay ngoài nước.

6. Những vấn đề cần quan tâm

Bên cạnh những kết quả tích cực trong thực hiện chính sách tài khóa năm 2016 cũng cho thấy những vấn đề cần quan tâm sau:

Thứ nhất, tính ổn định trong thu NSNN còn hạn chế. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm hơn dự báo. Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị ở nhiều nơi cộng với việc giá dầu giảm làm thất thu ngân sách trên 2.000 tỷ đồng, giá khí giảm làm giảm thu 1.000 tỷ đồng, khối ngân hàng thương mại nộp ngân sách giảm 20% do trích lập dự phòng rủi ro; thua lỗ các dự án lớn thuộc doanh nghiệp Nhà nước... Ở trong nước, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, tổng cầu tăng chậm, thị trường bất động sản phục hồi chậm, sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp còn khó khăn... Việc Quốc hội, Chính phủ ban hành các chính sách miễn, giảm, giãn thuế và các khoản thu NSNN cho các đối tượng an sinh xã hội hay để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh cũng đã làm giảm thu NSNN.

Thứ hai, mặc dù thu NSNN vượt dự toán, cơ cấu thu NSNN ngày càng bền vững hơn với tỷ trọng thu nội địa ngày càng tăng nhưng thu ngân sách trung ương đạt thấp, thu thuế, phí từ khu vực DNNN và thu từ dầu giảm lớn do ảnh hưởng từ các yếu tố biến đổi khí hậu (như hạn hán tác động tới các DN sản xuất điện), giá (giá dầu, khoáng sản...). Bên cạnh đó, tiến độ tái cơ cấu DNNN, bán cổ phần sở hữu nhà nước tại DN chậm đã ảnh hưởng tới kết quả thu NSNN năm 2016.

Thứ ba, trong cơ cấu chi NSNN thì chi thường xuyên vẫn chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 65% tổng chi), chi đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng thấp (khoảng 20% tổng chi) và tiến độ giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư.

Thứ tư, việc đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ đối với khu vực sự nghiệp công lập chưa đạt được kết quả như kỳ vọng dẫn đến việc cơ cấu lại các khoản chi NSNN còn gặp nhiều khó khăn.

Thứ năm, công tác xây dựng thể chế còn hạn chế, hệ thống văn bản hướng dẫn Luật NSNN năm 2015 làm cơ sở cho việc thực hiện Luật NSNN 2015 từ năm ngân sách 2017 chậm được ban hành.

7. Nhiệm vụ của chính sách tài khóa năm 2017

Với những kết quả, hạn chế trong quản lý, điều hành NSNN và thực hiện chính sách tài khóa năm 2016, căn cứ vào mục tiêu nhiệm vụ tài chính NSNN năm 2017 là: “Huy động tối đa các nguồn lực tài chính của Nhà nước; quản lý, sử dụng triệt để tiết kiệm, hiệu quả, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH); từng bước cơ cấu lại NSNN, thực hiện các giải pháp xử lý nợ công theo hướng an toàn, bền vững; đẩy nhanh cải cách khu vực sự nghiệp công, tinh giản biên chế; ưu tiên đảm bảo các chính sách an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh; tăng cường cải cách thủ tục hành chính” thì nhiệm vụ của chính sách tài khóa năm 2017 cần tập trung vào những điểm sau:

Một là, về thu NSNN: Năm 2017 dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới khả quan hơn nhưng cũng vẫn ở mức thấp (khoảng 3,4%), kinh tế Việt Nam chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt. Bên cạnh đó, giá dầu thô trên thị trường thế giới biến động phức tạp, thu từ cân đối hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng giảm theo các lộ trình cắt giảm thuế quan...

Do đó, cần thực hiện quyết liệt các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế, đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, tăng cường chống thất thu, gian lận thương mại, nợ đọng thuế, chống chuyển giá, xói mòn cơ sở thuế. Trong dài hạn, cần nghiên cứu hiệu quả của các chính sách ưu đãi thuế, rà soát và thu hẹp phạm vi miễn giảm thuế; nghiên cứu mở rộng cơ sở thuế; nghiên cứu áp dụng chính sách thuế liên quan đến việc sở hữu tài sản. Bên cạnh đó, cần đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu các DNN, bán cổ phần nhà nước sở hữu tại các DN mà Nhà nước không cần nắm giữ, thu hồi vốn cho NSNN.

Hai là, về chi NSNN và bội chi NSNN: Năm 2017 là năm đầu tiên thực hiện Luật NSNN năm 2015 với những thay đổi căn bản trong cách tính bội chi NSNN. Theo đó, so với quy định tại Luật NSNN 2002 thì chi NSNN bao gồm cả chi đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết và nguồn trái phiếu chính phủ nhưng không bao gồm chi trả nợ gốc, đồng thời bội chi NSNN bao gồm cả bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương.

Để đạt được mục tiêu bội chi NSNN đến năm 2020 xuống dưới 3,5% GDP, Quốc hội đã đề ra mục tiêu giảm bội chi NSNN xuống còn 3,5% GDP ngay trong năm 2017. Đây là một thách thức lớn đòi hỏi các bộ, ngành, địa phương phải nghiêm túc thực hiện kỷ luật tài khóa, tiết kiệm chi tiêu, chi đúng chế độ, chính sách và dự toán đã được phê duyệt.

Do vậy, chỉ nên ban hành chính sách làm tăng chi NSNN khi thật sự cần thiết và cân đối được nguồn kinh phí đảm bảo trong suốt quá trình thực hiện chính sách. Bội chi ngân sách địa phương cần được thực hiện trên nguyên tắc căn cứ vào năng lực tài khóa của địa phương nhằm đảm bảo kiểm soát bội chi NSNN theo mức đã được Quốc hội quyết định.

Ba là, về giải ngân vốn đầu tư công: Rút kinh nghiệm từ việc chậm giải ngân vốn đầu tư công trong những tháng đầu năm 2016, công tác giải ngân vốn đầu tư công năm 2017 cần được thực hiện quyết liệt ngay từ đầu năm; rà soát, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư liên quan đến thể chế, công tác giao vốn, công tác giải phóng mặt bằng... đảm bảo đúng tiến độ các dự án góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư công; Đồng thời, khắc phục tình trạng bố trí vốn phân tán dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

Bốn là, về thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các văn bản hướng dẫn cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong một số ngành, lĩnh vực; ban hành quy định, định mức kinh tế kỹ thuật... làm cơ sở cho việc tính đúng, tính đủ giá thành dịch vụ sự nghiệp công, góp phần thúc đẩy các đơn vị sự nghiệp công nâng cao khả năng tự chủ tài chính, tự chủ trong hoạt động cung cấp dịch vụ, nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công. Để đạt được mục tiêu bội chi NSNN đến năm 2020 xuống dưới 3,5% GDP, Quốc hội đã đề ra mục tiêu giảm bội chi NSNN xuống còn

3,5% GDP ngay trong năm 2017. Đây là một thách thức lớn đòi hỏi các bộ, ngành, địa phương phải nghiêm túc thực hiện kỷ luật tài khóa, tiết kiệm chi tiêu.

Trên cơ sở đẩy mạnh cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập, Nhà nước có điều kiện để cơ cấu lại chi NSNN, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ ưu tiên và hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách trong việc tiếp cận với các dịch vụ sự nghiệp công.

Năm là, về công tác quản lý nợ công: Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay và tăng cường quản lý rủi ro nợ công thông qua việc siết chặt điều kiện cấp bảo lãnh Chính phủ; hạn chế cấp phát vốn, thay vào đó thực hiện cho vay lại từ nguồn vốn vay của Chính phủ; đảm bảo kiểm soát các chỉ tiêu về nợ trong giới hạn an toàn.

C. KẾT LUẬN

Đề tài đã mô tả chính sách tài khoá ở Việt Nam hiện nay khá đầy đủ. Nêu ra những quan điểm, cơ sở lý thuyết về chính sách tài khoá để từ đó áp dụng vào thực tiễn. Tác động của chính sách tài khoá hiện nay, thực trạng của chính sách tài khoá đã được nêu ra theo mô hình SWOT. Nguyên nhân mặt tích cực và tiêu cực mà chính sách tài khoá tạo ra trong giai đoạn hội nhập. Dần dần đúc rút ra được những kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới (Mỹ, Trung Quốc) về cách thức thành lập, áp dụng và quản lý hoạt động của chính sách tài khoá để xây dựng chính sách tài khoá ở Việt Nam một cách hiệu quả, nâng cao tác dụng trong công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia. Do tầm quan trọng đó, việc cần phải có những chính sách tài khoá phù hợp để tác động vào nền kinh tế nhằm làm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng, kiềm chế lạm phát là việc làm hết sức cần thiết và cần phải được quan tâm, đồng thời công tác thực hiện chỉ tiêu của Chính phủ phải được minh bạch, việc kiểm tra, giám sát cần phải được quan tâm nhiều hơn để các chính sách tài khoá phát huy được tác dụng như mong đợi.

Vì thời gian hạn hẹp và kiến thức còn nông cạn, em xin mạo muội phân tích tiểu luận về **“Chính sách tài khoá và tình hình thực hiện chính sách tài khoá ở Việt Nam hiện nay”** do mình lựa chọn. Rất mong nhận được sự chỉ bảo của thầy giáo để tiểu luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Yên Bái, ngày 14 tháng 12 năm 2017
HỌC VIÊN THỰC HIỆN

Trần Trọng Giáp

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. www.mof.gov.vn
2. Kinh tế học vĩ mô nâng cao của PGS, TS Nguyễn Hữu Thắng và PGS, TS Nguyễn Văn Dân, Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh biên soạn năm 2014.
3. Phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô ở Việt Nam, những vấn đề lý luận và thực tiễn do PGS. TS. Kim Văn Chính biên soạn và xuất bản tại Nhà xuất bản lý luận chính trị năm 2014.
4. Một số giáo trình điện tử.
5. Các trang web liên quan đến lĩnh vực kinh tế.